
BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA XÍ NGHIỆP XE ĐIỆN HÀ NỘI VÀ XÍ NGHIỆP XE ĐIỆN HÀ NỘI THUỘC TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC CẨN THẬN CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI THAM GIA ĐẤU GIÁ

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN BÁN ĐẤU GIÁ
CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA BÊN NGOÀI
CỦA XÍ NGHIỆP XE ĐIỆN HÀ NỘI**

TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

XÍ NGHIỆP XE ĐIỆN HÀ NỘI

Địa chỉ trụ sở chính: số 454 đường Phạm Văn Đồng, P. Xuân Đình, Q. Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Địa chỉ giao dịch: 69 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 04.37577489 Fax: 04.37577444

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04.39412626 Fax: 04.3934 7818

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3773 7070 Fax: 04.3773 9058

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

XÍ NGHIỆP XE ĐIỆN HÀ NỘI

Địa chỉ giao dịch: 69 Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: 04.37577489 Fax: 04.37577444

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3773 7070 Fax: 04.3773 9058

VÀ CÁC ĐẠI LÝ ĐẤU GIÁ KHÁC THEO QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ

Tháng 1/2015

MỤC LỤC

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ	4
II. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT ĐẤU GIÁ	5
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT	6
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA	7
1. Giới thiệu chung.....	7
2. Ngành nghề kinh doanh	7
3. Quá trình hình thành và phát triển	8
4. Cơ cấu tổ chức	9
5. Danh sách công ty mẹ, công ty con	14
6. Tình hình lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp	14
7. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/06/2014	16
8. Tình hình đất đai của doanh nghiệp	17
9. Máy móc, thiết bị	19
10. Phương tiện vận tải	20
11. Hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp.....	21
12. Tình hình tài sản, nguồn vốn của xí nghiệp tại 30/06/2014:.....	24
13. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2011 đến nay:	26
14. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	27
V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA	28
1. Thông tin chung về Công ty cổ phần	28
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần.....	30
3. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần	34
4. Định hướng chiến lược	34
5. Thuận lợi và Khó khăn sau khi cổ phần hóa	36
6. Giải pháp thực hiện.....	37
7. Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa.....	39
VI. RỦI RO DỰ KIẾN.....	41
1. Rủi ro về kinh tế.....	41
2. Rủi ro về luật pháp	41
3. Rủi ro đặc thù.....	42
4. Rủi ro của đợt chào bán	42
5. Rủi ro khác	42
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU	42
1. Cơ cấu chào bán và phương thức thanh toán	42
2. Thời gian và địa điểm thực hiện	43
3. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt bán đấu giá	44

VIII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	46
1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa.....	46
2. Đại diện Tổng công ty Vận tải Hà Nội	46
3. Đại diện Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội – Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội	46
4. Đại diện Tổ chức tư vấn bán đấu giá – Công ty cổ phần Chứng khoán FPT	46
IX. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HÓA	46
X. KẾT LUẬN	47

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh của Xí nghiệp	7
Bảng 2. Tình hình lao động tại xí nghiệp.....	15
Bảng 3: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014	16
Bảng 4: Tình hình đất đai của công ty tính đến ngày 30/06/2014	17
Bảng 5. Tình hình máy móc thiết bị của Xí nghiệp.....	19
Bảng 6. Tình hình phương tiện vận tải của xí nghiệp.....	20
Bảng 7. Chỉ tiêu khai thác tuyển tại thời điểm 30/06/2014	21
Bảng 8. Kết quả kinh doanh của Xí nghiệp trong các năm 2011 - 2014	22
Bảng 9. Tình hình tài sản, nguồn vốn của Xí nghiệp tại ngày 30/06/2014.....	24
Bảng 10. Danh mục ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hoá	29
Bảng 11. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến.....	34
Bảng 12. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2015 – 2017.....	40
Bảng 13. Phương thức bán cổ phần	42
Bảng 14. Chi phí cổ phần hoá doanh nghiệp	44
Bảng 15. Chi phí thực hiện chính sách lao động nghỉ hưu trước tuổi (5 người)	45
Bảng 16. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt đấu giá.....	45

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội.....	9
Sơ đồ 2. Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty cổ phần.....	31

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CỦA ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định 71/2013/N Đ-CP ngày 05/2/2009 của Chính phủ về ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác;
- Căn cứ Nghị định 59/2011/N Đ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ Nghị định số 91/2010/N Đ-CP ngày 20/8/2010 của Chính phủ về quy định chính sách với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại công ty TNHH MTV do nhà nước làm chủ sở hữu;
- Căn cứ Thông tư 38/2010/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2010 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 91;
- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định số 59/2011/N Đ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Căn cứ thông tư số 202/2011/TT-BTC ngày 20/12/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần theo quy định tại Nghị định số 59/2011/N Đ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ;
- Căn cứ công văn số 2252/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2012 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thuộc UBND thành phố Hà Nội giai đoạn 2012-2015;
- Kế hoạch 47/KH-UBND ngày 18/3/2013 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc UBND thành phố Hà Nội năm 2013;
- Căn cứ Quyết định số 3452/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội;
- Quyết định số 4222/QĐ-STC-BCĐ ngày 08/07/2014 của Ban chỉ đạo cổ phần hoá doanh nghiệp thuộc UBND Thành phố Hà Nội về việc thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hoá Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội;
- Quyết định số 7185/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014 và Phương án cổ phần hóa doanh nghiệp Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội thuộc Tổng Công ty Vận tải Hà Nội;
- Hồ sơ xác định giá trị tài sản do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC lập.

II. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT ĐẤU GIÁ

- **Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần**

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 04.39412626 Fax: 04.3934 7818

Website: www.hnx.vn

- **Tổ chức tư vấn**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT

Địa chỉ: Tầng 2, 71 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.3773 7070 Fax: 04.3773 9058

Website: www.fpts.com.vn

- **Tổ chức tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp**

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Tầng 4, Tòa nhà AASC, số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 84- 4- 3824 1990 Fax: 84-4- 3825 3973

Website: <http://www.aasc.com.vn/>

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

Cổ phần	: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
Cổ phiếu	: Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một cổ phần
Cổ đông	: Tổ chức hay cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần có đăng ký tên trong sổ đăng ký cổ đông
Cổ tức	: Khoản lợi nhuận được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính
Vốn điều lệ	: Vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và được quy định tại điều lệ công ty.
Bán đấu giá cổ phần	: Là hình thức bán cổ phần của Doanh nghiệp Nhà nước cổ phần hóa công khai cho các nhà đầu tư có sự cạnh tranh về giá, ở đây cụ thể là cổ phần của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội
Nhà đầu tư	: Là tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần
Đơn vị cổ phần hóa	: Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội
Tổ chức công bố thông tin	: Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội
Xí nghiệp	: Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội
Tổng Công ty	: Tổng Công ty Vận tải Hà Nội
UBND	: Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội
FPTS	: Công ty cổ phần Chứng khoán FPT
Giấy CNĐKKD	: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
CTCP	: Công ty cổ phần
HDQT	: Hội đồng quản trị
BKS	: Ban kiểm soát
CPH	: Cổ phần hóa
GTCL	: Giá trị còn lại

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA ĐƠN VỊ CỔ PHẦN HÓA

1. Giới thiệu chung

Tên tiếng Việt	:	Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội
Địa chỉ	:	69 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
Điện thoại	:	04.37577489
Fax	:	04.37577444
Website	:	transerco.com.vn
Email	:	xn_xdhn@transerco.com.vn
Cơ quan chủ quản	:	Tổng Công ty vận tải Hà Nội
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101148154-004 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/07/2001, thay đổi lần thứ 2 ngày 24/07/2013
Loại hình doanh nghiệp	:	Là đơn vị hạch toán phụ thuộc (chi nhánh) Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

2. Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy phép đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101148154 - 004 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/07/2001, thay đổi lần thứ 2 ngày 24/07/2013, Xí nghiệp Xe điện Hà Nội có các ngành nghề kinh doanh như sau:

Bảng 1. Ngành nghề kinh doanh của Xí nghiệp

STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Vận tải bằng xe buýt	4920
2	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ các loại đồ chơi có hại cho giáo dục phát triển nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
3	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe động cơ khác)	3315
4	Sửa chữa thiết bị khác	3319
5	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5529
9	Quảng cáo	7310

	(không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	
10	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
11	Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
14	Xây dựng công trình công ích	4220
15	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
17	Cho thuê xe có động cơ	7710
18	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
19	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định kỹ thuật an toàn và bảo vệ môi trường các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	7120
22	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới) (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5621
23	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường)	5629
24	Bốc xếp hàng hóa	5224

(Nguồn: Giấy đăng ký hoạt động chi nhánh số 0101148154 - 004 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 16/07/2001, thay đổi lần thứ 2 ngày 24/07/2013)

3. Quá trình hình thành và phát triển

Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội có tiền thân là Công ty Thổ địa Bắc Kỳ thành lập năm 1899. Tên gọi qua các thời kỳ của công ty như sau:

- 1954 - 1955 : Sở Xe Điện Hà Nội
- 1955 – 1959 : Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội
- 1959 – 1969 : Quốc doanh Xe Điện Hà Nội
- 1969 – 2001 : Công ty Xe Điện Hà Nội
- 2001 – 5/2004 : Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội

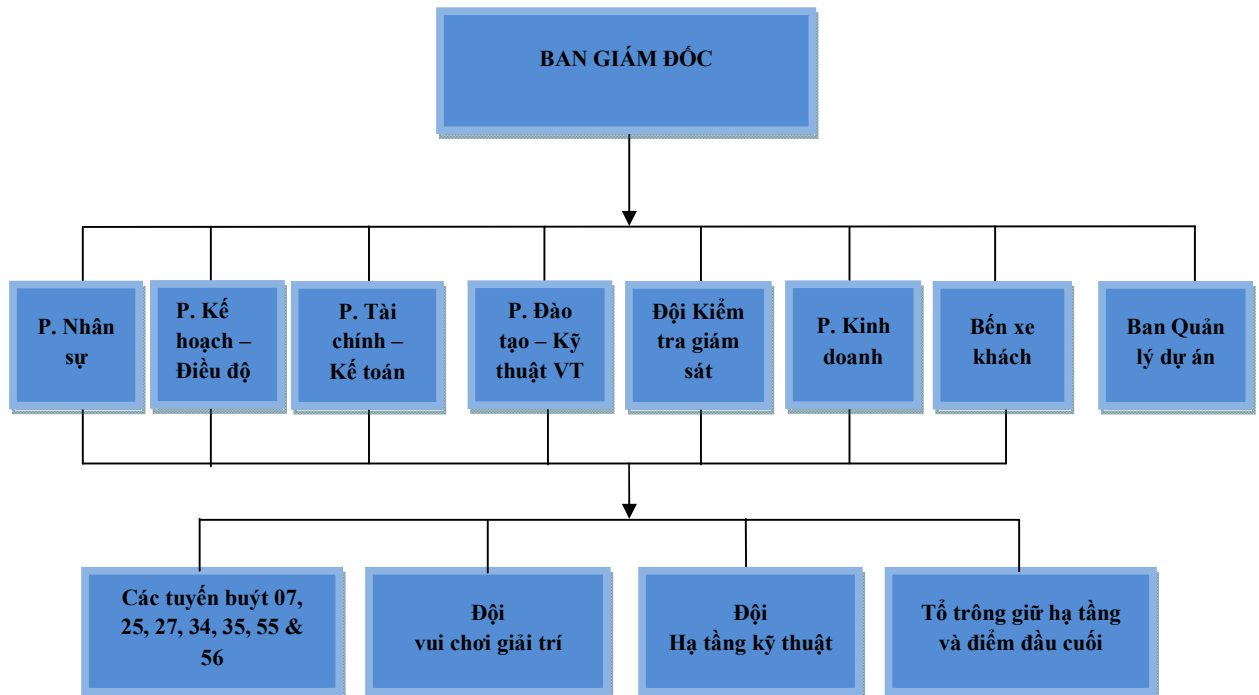
Trong giai đoạn từ năm 2001 đến tháng 5/2004, Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội là đơn vị phụ thuộc Công ty Vận tải và dịch vụ công cộng Hà Nội.

Ngày 14/05/2004, Tổng công ty Vận tải Hà Nội (DNNN) được thành lập theo quyết định số 72/2004/QĐ-UB của UBND thành phố Hà Nội trên cơ sở tổ chức lại Công ty Vận tải và Dịch vụ công cộng Hà Nội và Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội là đơn vị phụ thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội.

Ngày 13/7/2010, UBND thành phố Hà Nội có quyết định số 3461/QĐ-UBND về việc chuyển đổi Tổng công ty vận tải Hà Nội thành Công ty TNHH một thành viên. Theo đó, căn cứ trên Nghị quyết số 3679/NQ-HĐQT ngày 16/11/2012 của Hội đồng thành viên Tổng công ty vận tải Hà Nội về việc hoàn thiện công tác chuyển đổi Tổng công ty vận tải Hà Nội thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, tới ngày 19/11/2012, Hội đồng thành viên Tổng công ty Vận tải Hà Nội đã ban hành Quyết định số 3696/QĐ-HĐTV thành lập Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội – Chi nhánh Tổng công ty vận tải Hà Nội (TNHH MTV) trên cơ sở chuyển đổi nguyên trạng từ Xí nghiệp Xe điện Hà Nội trực thuộc Tổng công ty Vận tải Hà Nội (DNNN).

4. Cơ cấu tổ chức

Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CÁC PHÒNG BAN CHỨC NĂNG

Ban Giám đốc

Gồm 3 người: 1 giám đốc, 2 phó giám đốc. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm điều hành chung các hoạt động kinh doanh của công ty, đưa ra các kế hoạch hành động và có trách nhiệm thực hiện các hoạt động quản lý có liên quan.

Phòng nhân sự:

Tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện:

- Công tác nhân sự: quản lý, theo dõi nhân sự, tham mưu cho lãnh đạo XN về công tác cán bộ. Xây dựng quy chế và trực tiếp quản lý lao động
- Công tác lao động tiền lương: Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch tiền lương. Thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động (BHXH, BHYT, hưu trí...)
- Khen thưởng kỷ luật: Đề xuất ban hành các nội quy, quy chế, quy định theo phân cấp. Theo dõi, giám sát việc thực hiện các nội quy, quy chế, quy định theo phân cấp. Theo dõi, giám sát việc thực hiện nội quy quy chế và thực hiện công tác khen thưởng – kỷ luật.
- Công tác quản trị hành chính: Công tác văn thư lưu trữ, tổ chức phục vụ hội họp, khánh tiết... Tổ chức thực hiện quản lý tài sản, trang thiết bị văn phòng, bảo vệ phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động.

Phòng kế hoạch điều độ:

Tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện

- Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch vận tải theo phân cấp: Xây dựng, theo dõi và báo cáo kế hoạch vận tải tháng, quý, năm. Tổ chức quản lý, cấp phát vé và lệnh vận chuyển hàng ngày, tổ chức nghiệm thu, thu ngân nội bộ.
- Điều hành hoạt động và kiểm tra giám sát chất lượng phục vụ trên tuyến: Trực tiếp quản lý sử dụng lái xe và nhân viên bán vé, điều hành hoạt động phương tiện theo quy định. Giải quyết các sự cố phát sinh trong quá trình hoạt động trên tuyến. Phối hợp với các lực lượng chức năng đảm bảo an ninh trật tự trên tuyến.

Phòng tài chính – kế toán:

Tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện

- Công tác kế toán – thống kê: Tổ chức thực hiện công tác kế toán thống kê theo quy định của nhà nước và quy chế quản lý tài chính của TCT. Định kỳ hạch toán kết quả hoạt động kinh doanh, phân tích đánh giá việc thực hiện kế hoạch. Chịu trách nhiệm về tính hợp pháp chứng từ thu chi. Quyết toán vé, lệnh.
- Tổng hợp kế hoạch: Xây dựng kế hoạch tài chính, tổng hợp, phân tích, đánh giá, báo cáo thực hiện SXKD và chỉ tiêu về tài chính theo quy định.
- Công tác quản trị tài chính: Giám sát việc thực hiện kế hoạch tài chính. Quản lý doanh thu và kiểm soát chi phí của XN. Tham gia xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí cho XN và giám sát việc thực hiện định mức.

Phòng Đào Tạo và Kỹ thuật –Vật Tư:

Tham mưu, đề xuất và tổ chức thực hiện:

- Quản lý kỹ thuật phương tiện.
- Quản lý vật tư phụ tùng, nguyên nhiên vật liệu.
- Đăng kiểm, bảo hiểm, an toàn lao động, an toàn giao thông và phòng chống cháy nổ.
- Đào tạo và quản lý ứng dụng Công nghệ.
- Bộ phận Quản lý kỹ thuật – Công nghệ:

- + Chủ trì xây dựng các quy trình, quy định, định mức về bảo dưỡng sửa chữa, tiêu hao nhiên liệu, định ngạch sử dụng vật tư phụ tùng... cho đoàn phương tiện của đơn vị;
- + Chủ trì công tác quản lý kỹ thuật phương tiện, xây dựng kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa phương tiện, trang thiết bị nhà xưởng, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa phương tiện đảm bảo tuân thủ theo quy trình, quy định của Tổng công ty;
- + Chủ trì phối hợp với các bộ phận khác có liên quan tiến hành kiểm tu, xác định tình trạng kỹ thuật của phương tiện và lập phương án sửa chữa trình lãnh đạo đơn vị phê duyệt;
- + Kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy trình, quy định về công tác bảo dưỡng sửa chữa phương tiện của Xí nghiệp hoặc đơn vị thuê ngoài theo quy định;
- + Chủ trì phối hợp với bộ phận khác có liên quan tổ chức kiểm tra và nghiệm thu chất lượng, nội dung bảo dưỡng sửa chữa phương tiện trước khi xuất xưởng;
- + Đề xuất áp dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và công nghệ mới để nâng cao chất lượng bảo dưỡng sửa chữa và chất lượng phương tiện.
- + Tiếp nhận thông tin từ các nguồn, chủ trì tư vấn và phối hợp với Đội hạ tầng xử lý các sự cố kỹ thuật phương tiện xảy ra trên tuyến;
- + Chủ trì phối hợp với phòng Kế hoạch – Điều độ đưa phương tiện vào bảo dưỡng sửa chữa và bàn giao xe tốt đưa xe vào hoạt động.
- + Lập hồ sơ thanh quyết toán chi phí bảo dưỡng sửa chữa theo quy định.
- + Kiểm kê, đánh giá chất lượng, tình trạng kỹ thuật phương tiện, trang thiết bị nhà xưởng tháng, quý, năm.
- + Chịu trách nhiệm kiểm tra chất lượng và theo dõi định ngạch sử dụng vật tư phụ tùng.
- + Quản lý toàn bộ trang thiết bị nhà xưởng và hồ sơ lý lịch trang thiết bị.
- + Tham mưu, tư vấn và phối hợp triển khai thực hiện đầu tư thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất và điều hành hoạt động vận tải của đơn vị. Chủ trì áp dụng, khai thác các phần mềm bảo dưỡng sửa chữa ...
- + Chịu trách nhiệm quản trị thương hiệu trên phương tiện của đơn vị.
- + Tổng hợp, báo cáo theo phân cấp.
- Bộ phận quản lý vật tư phụ tùng:
 - + Chủ trì lập kế hoạch, trình phê duyệt và tổ chức mua sắm vật tư phụ tùng, nguyên vật liệu.
 - + Chịu trách nhiệm tiếp nhận, bảo quản, quản lý, cấp phát vật tư phụ tùng, nguyên vật liệu.
 - + Tổng hợp, báo cáo theo phân cấp.
 - + Bộ phận Kiểm tra giao nhận phương tiện:
 - + Kiểm tra bàn giao phương tiện đầu ngày hoạt động.
 - + Kiểm tra tiếp nhận phương tiện cuối ngày hoạt động.

- + Hàng ngày bàn giao phương tiện hoạt động tốt cho phòng Kế hoạch – Điều độ đưa vào khai thác hoạt động.

- + Kiểm tra chất lượng vệ sinh phương tiện cuối ngày và xác nhận số lượng công việc để thanh toán (nếu có). Bàn giao số lượng, tình trạng phương tiện đỗ tại bãi đỗ xe cuối ngày hoạt động cho lực lượng bảo vệ.

- Bộ phận Đăng kiểm, Bảo hiểm, An toàn và Phòng chống cháy nổ:

- + Chủ trì công tác đăng kiểm: Xây dựng kế hoạch, phối hợp với các bộ phận liên quan, thực hiện khám lưu hành.

- + Công tác bảo hiểm: Chủ trì xây dựng kế hoạch, phối hợp các bộ phận liên quan giải quyết bồi thường theo quy định.

- + Công tác an toàn, phòng chống cháy nổ: Chủ trì xây dựng kế hoạch và theo dõi, kiểm tra định kỳ...

- Bộ phận đào tạo: Chủ trì, phối hợp với Phòng Nhân sự và các bộ phận liên quan tham mưu cho lãnh đạo đơn vị về công tác đào tạo; xây dựng kế hoạch và thực hiện đào tạo, phân tích, đánh giá kết quả thực hiện...

Đội kiểm tra giám sát

- Thực hiện kiểm tra đối với lái xe và bán vé trên tuyến theo nội quy, quy chế của Tổng Công ty và Xí nghiệp.

- Phối hợp với phòng Nhân sự đề xuất xử lý những trường hợp vi phạm quy chế.

- Báo cáo lãnh đạo Xí nghiệp về tình hình trên tuyến.

Phòng kinh doanh

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, xác lập và thống nhất áp dụng các chỉ tiêu định mức kinh tế kỹ thuật của các loại hình sản xuất kinh doanh trong toàn Xí nghiệp.

- Khi các dự án, hợp đồng đi vào triển khai, lập dự toán thi công để làm cơ sở ứng vốn cho dự án, công trình và thanh quyết toán sau này.

- Phối hợp với phòng Đào tạo Kỹ thuật vật tư, trình Giám đốc ban hành và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật toàn Xí nghiệp.

- Phối hợp cùng với Ban quản lý Dự án lập hồ sơ dự thầu các công trình Xí nghiệp tham gia đấu thầu.

- Phối hợp cùng Ban quản lý Dự án lập hồ sơ dự thầu các công trình Xí nghiệp tham gia đấu thầu.

- Phối hợp với các phòng ban cùng hoàn thành công việc được giao.

Bến xe khách

- Thực hiện quy trình đảm bảo an toàn giao thông và giải quyết cho xe ra vào bến theo quy định.

- Quản lý Bến xe khách liên tỉnh tuyến Hà Nội - Thái Nguyên.

Ban quản lý dự án

- Ban QLDA giúp Chủ dự án quản lý thực hiện chương trình, dự án.
- Nhiệm vụ lập kế hoạch bao gồm: xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch chi tiết hàng năm thực hiện chương trình, dự án (kế hoạch chi tiêu, kế hoạch đầu thầu,...), trong đó xác định rõ các nguồn lực sử dụng tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành, mục tiêu chất lượng và tiêu chí chấp nhận kết quả đối với từng hoạt động của dự án để làm cơ sở theo dõi, đánh giá.
- Làm đầu mối của Cơ quan quyết định thành lập Ban QLDA và các cơ quan tham gia thực hiện chương trình, dự án trong việc liên hệ với các nhà tài trợ về các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện chương trình, dự án.
- Theo dõi, đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện chương trình, dự án cho lãnh đạo Xí nghiệp.

Các tuyến buýt

Tham mưu, đề xuất, tổ chức thực hiện, chịu trách nhiệm về hoạt động vận tải buýt của Xí nghiệp:

- Quản lý, phân công lao động, đôn đốc lái xe và nhân viên bán vé thực hiện hoạt động vận tải buýt tuân thủ theo nội quy, quy chế, quy trình, quy định;
- Điều hành hoạt động vận tải buýt. Trực điều hành, tiếp nhận và giải quyết các sự cố phát sinh trong quá trình hoạt động;
- Lập và thực hiện các kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải buýt nhằm không ngừng nâng cao uy tín của Xí nghiệp;
- Tổ chức quản lý chất lượng kỹ thuật và vệ sinh phương tiện do Đội quản lý;
- Tổ chức các hoạt động đào tạo lái xe, phụ xe nhằm đảm bảo quy định của pháp luật và nâng cao chất lượng đội ngũ.

Đội vui chơi giải trí

Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm vận hành các dịch vụ xe đung, xe trượt đặt tại công viên Thủ Lệ và công viên Lê Nin.

Đội hạ tầng buýt

- Chịu trách nhiệm duy tu, duy trì, lắp đặt hạ tầng buýt như: duy tu vệ sinh biển báo điểm dừng đỗ, lắp đặt điểm dừng, pano tại các điểm đầu cuối xe buýt.

Tổ trông giữ hạ tầng và điểm đầu cuối

- Chịu trách nhiệm trông giữ bến bãi và các điểm đầu cuối cho các tuyến xe buýt.

5. Danh sách công ty mẹ, công ty con

5.1. Công ty mẹ: Tổng công ty Vận tải Hà Nội

Tên	:	Tổng công ty vận tải Hà Nội
Địa chỉ	:	Số 5 Lê Thánh Tông, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Vốn điều lệ	:	1.200.000.000 VND
Giấy CN ĐKKD	:	0101148154 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 10/03/2014
Tỷ lệ nắm giữ VDL của Xí nghiệp	:	100%
Ngành nghề kinh doanh	:	Kinh doanh – dịch vụ vận tải hàng khách, hàng hóa bằng các phương tiện: xe buýt, Ta xi, ô tô, xe điện, tàu biển, tàu thủy và các phương tiện khác. Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, ô tô, máy móc, vật tư, trang thiết bị, phụ tùng ô tô – xe máy, dụng cụ sửa chữa ô tô, xe máy chuyên ngành giao thông vận tải. Kinh doanh điểm đỗ ô tô, xăng dầu khí đốt, đại lý bán hàng dịch vụ, đại lý vận tải, làm sạch phương tiện vận tải, dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa ô tô, xe máy,...

Tổng công ty Vận tải Hà Nội là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do UBND thành phố Hà Nội là chủ sở hữu. Hiện Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội là đơn vị hạch toán phụ thuộc (Chi nhánh) của Tổng công ty Vận tải Hà Nội.

5.2. Công ty con

Xí nghiệp không có công ty con.

6. Tình hình lao động tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp

Tổng số lao động có tên trong danh sách của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội đến thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp là 774 người, trong đó: đang làm việc 774 người. Cơ cấu nhân sự được tổng hợp như sau:

Bảng 2. Tình hình lao động tại Xí nghiệp

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1. Theo trình độ lao động	774	100.00
+ Thạc sỹ	1	0,13
+ Đại học	47	6,07
+ Cao đẳng	40	5,17
+ Trung cấp và tương đương	299	38,63
+ Công nhân kỹ thuật	69	8,91
+ Lao động khác...	318	41,09
2. Theo hợp đồng lao động	774	100.00
+ Diện không phải ký HĐLĐ	2	0,26
+ Hợp đồng không xác định thời hạn	471	60,85
+ Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	242	31,27
+ Hợp đồng thời vụ ngắn hạn (dưới 1 năm)	17	2,20
+ Hợp đồng thử việc (1 tháng)	42	5,43
3. Theo giới tính	774	100.00
+ Nam	681	88,12
+ Nữ	93	11,88
4. Theo độ tuổi lao động bình quân	774	100.00
+ Dưới 30 tuổi	183	23,64
+ Từ 30 đến 44 tuổi	406	52,45
+ Từ 45 đến dưới 60 tuổi	185	23,91

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

Sau khi cổ phần hóa số lao động chuyển sang Công ty Cổ phần là 769 người, cơ cấu lao động như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
+ Trên đại học	1	0,13
+ Đại học	47	6,11
+ Cao đẳng, trung cấp	408	53,03
+ Phổ thông chưa qua đào tạo nghề	314	40,83
Tổng cộng	769	100

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

7. Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30/06/2014

Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (30/06/2014) như sau:

- Giá trị doanh nghiệp theo sổ sách : 69.726.832.489 đồng
- Giá trị thực tế của doanh nghiệp xác định lại : 107.927.954.897 đồng
- Giá trị phần vốn nhà nước theo sổ sách : 2.000.000.000 đồng
- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước xác định lại : 40.201.122.408 đồng

Chi tiết các khoản mục như sau:

Bảng 3: Kết quả xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 30/06/2014

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên tài sản	Số liệu theo sổ sách kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
A	B	1	2	3
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	69.726.832.489	107.927.954.897	38.201.122.408
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	55.466.287.208	93.667.409.616	38.201.122.408
1	Tài sản cố định	54.807.269.382	92.886.822.897	38.079.553.515
<u>A</u>	<u>Tài sản cố định hữu hình</u>	<u>54.807.269.382</u>	<u>92.886.822.897</u>	<u>38.079.553.515</u>
<u>B</u>	<u>Tài sản cố định vô hình</u>	-	-	-
5	Chi phí trả trước dài hạn (không bao gồm lợi thế kinh doanh)	659.017.826	780.586.719	121.568.893
	+ CCDC đã phân bổ hết giá trị, còn sử dụng	-	121.568.893	121.568.893
	+ Chi phí trả trước dài hạn khác	659.017.826	659.017.826	-
II	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	14.260.545.281	14.260.545.281	-
4	Các khoản phải thu	12.238.231.468	12.238.231.468	-
5	Vật tư, hàng hoá tồn kho	1.659.514.918	1.659.514.918	-
6	Tài sản ngắn hạn khác	362.798.895	362.798.895	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của DN	-	-	-
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	-	-	-
1	Tài sản cố định hữu hình	-	-	-
C	TÀI SẢN CHỜ BÀN GIAO	-	-	-
1	Tài sản cố định hữu hình	-	-	-

D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUỸ PHÚC LỢI, KHEN THƯỞNG	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	69.726.832.489	107.927.954.897	38.201.122.408
	Trong đó: Tổng giá trị thực tế DN (Mục A)	69.726.832.489	107.927.954.897	38.201.122.408
E1	Nợ thực tế phải trả	67.726.832.489	67.726.832.489	-
	Trong đó: Giá trị quyền sử dụng đất mới nhận giao phải nộp NSNN	-	-	-
E2	Nguồn kinh phí sự nghiệp	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHÂN VỐN NHÀ NƯỚC [A- (E1 + E2)]	2.000.000.000	40.201.122.408	38.201.122.408

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 185/2014/BC.ĐG-AASC.KT2 của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội ngày 23/12/2014)

Lưu ý: Sau cổ phần hóa Công ty cổ phần lựa chọn hình thức thuê đất của Nhà nước 50 năm và trả tiền thuê đất hàng năm, vì vậy giá trị doanh nghiệp không tính bổ sung giá trị lợi thế vị địa lý trong giá trị quyền sử dụng đất vì theo quy định tại Điều 31 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

8. Tình hình đất đai của doanh nghiệp

Xí nghiệp đang sử dụng khu đất tại địa điểm số 463 đường Phạm Văn Đồng, xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là số 454 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội). Khu đất gồm hai phần, kết cấu công trình và tình hình sử dụng như sau:

Bảng 4: Tình hình đất đai của công ty tính đến ngày 30/06/2014

STT	Nội dung	Thời gian và hình thức thuê	Mục đích sử dụng hiện tại	Diện tích sử dụng
1	Phần diện tích 7.263 m ²	+ 30 năm kể từ ngày 1/1/2003 + Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang được sử dụng làm nhà điều hành, khu văn phòng làm việc và bảo vệ, gara bảo dưỡng, sửa chữa, nhà điều hành gara, trạm biến áp, nhà để xe CBCNV, khu vực để xe phục vụ bến xe khách và nhà hai tầng (nhận bàn giao từ đội Thanh tra giao thông	7.263 m ² (trong đó + 5.066 m ² đất xây dựng công trình, + 2.097 m ² đất mở đường theo quy hoạch mở đường – khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại (được nêu trong QĐ 3380/QĐ-UB ngày 16/6/2003 của UBND

			của Sở Giao thông vận tải)	TP Hà Nội), + 100 m ² đất xây dựng công trình dịch vụ hỗ trợ)
2	Phần diện tích 14.312 m ²	+ 50 năm kể từ ngày 9/11/2004 + Trả tiền thuê đất hàng năm	Đang được sử dụng làm nhà điều hành và Xưởng bảo dưỡng xe, trạm xăng, sân rửa xe, nhà vệ sinh ngoài trời, nhà gửi xe, bể chứa nước cứu hỏa và chòi bảo vệ.	14.312 m ² (trong đó + 10.364 m ² đất xây dựng công trình, + 3.948 m ² đất mở đường theo quy hoạch của Thành phố, nên phần diện tích này Xí nghiệp không được xây dựng công trình và có thời gian thuê hàng năm - khi Nhà nước thu hồi phải bàn giao lại (được nêu trong QĐ 7607/QĐ-UB ngày 16/6/2003 của UBND TP Hà Nội)
Tổng cộng diện tích toàn Xí nghiệp				21.575 m²

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

Nguồn gốc khu đất:

Khu đất gồm hai phần diện tích có nguồn gốc và quá trình sử dụng như sau:

- Phần diện tích đất 7.263 m²: Trước đây là điểm đỗ Nam Thăng Long được UBND Thành phố giao Công ty vận tải và Dịch vụ công cộng Hà Nội (tiền thân của Tổng công ty Vận tải Hà Nội) theo Quyết định số 3380/QĐ-UB ngày 16/6/2003 của UBND TP Hà Nội v/v cho Công ty Vận tải và dịch vụ công cộng Hà Nội sử dụng 7.263 m² đất tại xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm để quản lý, khai thác điểm đỗ xe buýt Nam Thăng Long. Tổng công ty giao cho Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội quản lý và sử dụng. Trong quá trình sử dụng không có tranh chấp khiếu kiện và được sử dụng đúng theo mục đích giao đất.

Giấy tờ pháp lý của phần diện tích đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X.968947 ngày 06/11/2003 kèm theo Quyết định số 6893/QĐ-UB ngày 14/11/2003 của UBND thành phố Hà Nội về việc cấp GCNQSDĐ.

- Phần diện tích 14.312 m²: Được UBND Thành phố thu hồi và giao Tổng Công ty Vận tải Hà Nội thuê theo Quyết định số 7607/QĐ-UB ngày 9/11/2004 của UBND TP Hà Nội v/v thu hồi 14.312 m² đất tại xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm; giao chính thức cho Tổng Công ty vận tải Hà Nội thuê để xây dựng mở rộng bến đỗ xe buýt Nam Thăng Long. Tổng Công ty giao cho Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội quản lý và sử dụng. Trong quá trình sử dụng không có tranh chấp khiếu kiện và được sử dụng đúng theo mục đích được giao đất.

Giấy tờ pháp lý của phần diện tích đất:

- Hợp đồng thuê đất số 151-2004/TNMTND-HĐTĐTN ngày 09/12/2004
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 082555 ngày 08/06/2005, kèm theo Quyết định số 3898/QĐ-UB ngày 08/06/2005 của UBND thành phố Hà Nội về việc cấp GCNQSDĐ.

9. Máy móc, thiết bị

Bảng 5. Tình hình máy móc thiết bị của Xí nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên tài sản	SL	Giá trị tài sản đến ngày 30/06/2014		
			Nguyên giá sổ sách	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL xác định lại
1	Trạm biến áp NTL	1	258.686.524	48.476.524	77.605.957
2	Hệ thống PCCC	1	223.761.000	-	67.128.300
3	Máy nén khí 500 lít	1	43.601.811	-	18.605.000
4	Máy ra vào lớp	1	117.786.669	-	42.432.000
5	Kích nâng xe bộ 04 C/650 kg	1	317.901.300	-	95.370.390
6	Cần nâng di động 4 trụ độc lập	1	375.440.000	-	112.632.000
7	Téc chứa xăng	3	86.331.000	-	25.899.300
8	Cột bơm xăng NTL	1	113.410.000	-	34.023.000
9	Đường công nghệ	1	85.145.175	-	25.543.553
10	Cần nâng 4 trụ ô tô	1	541.275.000	-	162.382.500
11	Xe nâng bàn	1	34.244.700	-	10.273.410
12	Máy đầm cóc	1	41.818.181	13.930.181	29.870.129
13	Cầu mini SL/30 Italia	1	43.000.000	-	12.900.000
14	Máy phát điện N&A Power	1	206.507.000	-	63.250.000
15	Thiết bị lọc nước	1	57.200.000	-	17.160.000
16	Xe đụn nhau Thủ lệ	22	917.374.546	405.426.993	458.687.273
17	Hệ thống xe trượt tại công viên Thủ Lệ	1	414.473.530	-	124.342.059
18	Hệ thống xe trượt tại công viên Lê Nin	1	496.956.000	-	149.086.800
Tổng			4.374.912.436	467.833.698	1.527.191.671

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 185/2014/BC.ĐG-AASC.KT2 của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội ngày 23/12/2014)

10. Phương tiện vận tải

Bảng 6. Tình hình phương tiện vận tải của xí nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị tài sản đến ngày 30/06/2014		
			Nguyên giá sổ sách	GTCL	GTCL xác định lại
1	Xe tuyến 7	19	33.506.508.000	14.359.800.000	18.680.680.119
2	Xe tuyến 25	17	16.240.882.000	-	5.763.124.745
3	Xe tuyến 27	26	20.063.419.000	-	4.160.093.688
4	Xe tuyến 34	18	48.286.800.000	37.839.349.998	39.108.015.840
5	Xe tuyến 35	21	15.706.533.000	-	3.141.306.600
6	Xe tuyến 55	15	11.452.431.000	-	2.290.486.200
7	Xe tuyến 56	13	14.046.862.000	-	4.449.182.007
8	Ô tô Bongo 29X3628	1	312.000.000	-	206.076.000
9	Ô tô Toyota Camry 29T5958	1	645.882.000	-	375.580.383
10	Ô tô Ford 29Z7315	1	256.583.810	-	441.419.734
11	Xe tải Hyundai loại nhỏ 29X7942	1	121.000.000	-	76.010.917
12	Transico B30 29B02993	1	399.870.000	-	79.974.000
13	Transico B30 29B04712	1	399.870.000	-	79.974.000
14	Transico B30 29B02691	1	796.209.100	-	159.241.820
15	Transico B45 29B02925	1	633.695.000	-	126.739.000
Tổng cộng			162.868.544.910	52.199.149.998	79.137.905.053

(Nguồn: Phụ lục số 4 - Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 185/2014/BC.ĐG-AASC.KT2 của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội ngày 23/12/2014)

11. Hoạt động kinh doanh của Xí nghiệp

11.1. Sản phẩm, dịch vụ chủ yếu

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Xí nghiệp bao gồm:

- Dịch vụ vận chuyển hành khách: vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hà Nội và các vùng lân cận (với 7 tuyến và 129 xe buýt); vận tải hành khách công cộng khác
- Trông giữ bến bãi và các điểm đầu cuối
- Vui chơi giải trí: dịch vụ xe đung, xe trượt nằm tại công viên Thủ Lệ và công viên Lê Nin
- Duy tu, duy trì, lắp đặt hạ tầng buýt: duy tu duy trì vệ sinh biển báo dừng đỗ, lắp đặt biển báo điểm dừng, pano tại các điểm đầu cuối xe buýt.

Do hoạt động theo đơn đặt hàng của Thành phố nên Xí nghiệp không có hợp đồng lớn khác đang được thực hiện hoặc ký kết.

Bảng 7. Chỉ tiêu khai thác tuyến tại thời điểm 30/06/2014

ST T	Số hiệu tuyến	Tên Tuyến	Xe Kế hoạch	Xe hoạt động	Lượng khách BQ/ngày	Giá vé (VNĐ)
1	07	Cầu Giấy – Nội Bài	19	15	7.235	8.000
2	25	BX Giáp Bát – Nam Thăng Long	17	13	3.182	7.000
3	27	BX Yên Nghĩa – Nam Thăng Long	26	20	8.844	7.000
4	34	BX Gia Lâm – BX Mỹ Đình	18	14	8.924	7.000
5	35	Trần Khánh Dư – Thanh Tước	21	16	3.458	9.000
6	55	Cầu Giấy – Bưởi – BX Lương Yên	15	12	3.231	7.000
7	56A	Nam Thăng Long – Núi Đồi	9	6	2.019	8.000
8	56B	Nam Thăng Long – Xuân Giang	4	3	705	9.000
Tổng cộng			129	99	37.598	

(Nguồn: Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

Ghi chú: Số liệu hành khách bình quân/ngày chỉ tính vé lượt, chưa tính lượng hành khách đi lại bằng vé tháng.

Cơ cấu doanh thu các tuyến trong các năm 2011 - 2014

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tuyến 07	Triệu đồng	7.156	9.166	14.355	19.391
2	Tuyến 25	Triệu đồng	3.751	4.418	6.177	7.300
3	Tuyến 27	Triệu đồng	8.702	11.916	17.481	20.273
4	Tuyến 34	Triệu đồng	9.473	11.899	17.481	20.273
5	Tuyến 35	Triệu đồng	4.142	5.435	8.288	10.483
6	Tuyến 55	Triệu đồng	3.784	3.624	5.286	7.333
7	Tuyến 56A	Triệu đồng	2.588	3.982	6.130	5.677
8	Tuyến 56B	Triệu đồng				1.981
Tổng		Triệu đồng	39.596	50.440	69.681	85.484

(Nguồn: Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

11.2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm 2011 - 2014

Bảng 8. Kết quả kinh doanh của Xí nghiệp trong các năm 2011 - 2014

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Triệu đồng	193.520	202.691	229.182	223.032
1.1	Hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	Triệu đồng	183.040	190.524	218.066	210.804
1.2	Hoạt động kinh doanh khác	Triệu đồng	10.480	12.167	11.116	12.228
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	193.214	202.358	228.782	222.376
3	Lợi nhuận thực hiện	Triệu đồng	306	333	400	656
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	239	260	312	512
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu từ hoạt động SXKD	%	0,12	0,13	0,14	0,23
6	Tổng số lao động	Người	736	718	743	783
7	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	40.689	44.833	47.264	50.470
8	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Nghìn đồng	4.607	5.201	5.301	5.371

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của Xí nghiệp được đóng góp chủ yếu từ hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt (đều chiếm trên 94% tổng doanh thu hàng năm). Tuy nhiên do đặc thù của hoạt động vận tải xe buýt có tỷ trọng chi phí khá cao, thường chiếm tới trên 99% doanh thu nên tỷ trọng lợi nhuận sau thuế so với doanh thu của Xí nghiệp qua các năm 2011 – 2014 đều ở mức <1%. Tỷ trọng chi phí sản xuất khá cao nhưng phù hợp với đặc điểm chung của ngành vận tải.

Ngoài ra trong mảng hoạt động kinh doanh khác, Xí nghiệp đang vận hành một đội xe taxi, tuy nhiên chi phí vận hành của đội xe này khá lớn, mảng hoạt động này thường xuyên không mang lại lợi nhuận cho Xí nghiệp. Từ năm 2014, sau khi có quyết định về việc cổ phần hóa, Xí nghiệp đã tách mảng hoạt động này về hạch toán tại Tổng Công ty. Đây là nguyên nhân chính dẫn tới lợi nhuận sau thuế năm 2014 của Xí nghiệp tăng trong khi tổng doanh thu giảm so với năm 2013.

11.3. Nguyên vật liệu

Hoạt động kinh doanh chính của Xí nghiệp là vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, do đó xăng dầu là nguồn nguyên vật liệu đầu vào quan trọng. Nguồn cung cấp nguyên liệu này luôn ổn định và dồi dào. Giá cả của xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi phí của hoạt động kinh doanh. Trong năm 2012 – 2013, giá nguyên liệu này nhiều lần được điều chỉnh tăng đã gây rất nhiều khó khăn cho Xí nghiệp trong việc đạt được mục tiêu đề ra của mình. Tuy nhiên tình hình xăng dầu giảm giá liên tục từ đầu năm 2014 đến nay là điều kiện tốt để Xí nghiệp ổn định hoạt động và đạt kế hoạch đề ra về doanh thu, lợi nhuận.

11.4. Trình độ công nghệ

Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội đã từng bước ứng dụng những tiến bộ khoa học – công nghệ mới trong ngành giao thông vận tải vào việc phục vụ vận tải hành khách công cộng. Hệ thống thông tin trên các xe buýt, nhà chờ, điểm dừng và các điểm cuối bến được nâng cấp, trở nên hiện đại hơn.

11.5. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Xí nghiệp đã ban hành các Sổ tay và quy định, quy trình nội bộ nhằm nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ như:

- + Sổ tay chất lượng Tổng công ty
- + Quy định về chế độ báo cáo
- + Quy định cung cấp tư vấn pháp lý
- + Quy trình ban hành tài liệu
- + Quy trình tổ chức họp
- + Quy trình trao đổi và xử lý thông tin
- + Quy trình cung cấp thông tin cho các cơ quan thông tin đại chúng
- + Quy trình đánh giá nội bộ
- + Quy trình giải quyết sự cố chất lượng dịch vụ

- + Quy trình tuyển dụng
- + Quy trình đánh giá cán bộ công nhân viên
- + Quy trình mua sắm trực tiếp hàng hóa, dịch vụ
- + Quy trình xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh
- + Quy định về quản lý chất lượng phương tiện
- + Quy định vận hành hệ thống CNTT
- + Quy trình về kiểm tra giám sát hoạt động vận tải
- + Quy trình BDSC phương tiện
- + Quy trình quản lý hồ sơ kỹ thuật phương tiện
- + Quy trình điều hành, vận hành tuyến buýt nội đô
- + Quy trình quản lý doanh thu, tem - vé - LVC và nghiệm thu sản phẩm trong hoạt động buýt nội đô
- + Quy trình vận hành và quản lý doanh thu vé - lệnh vận chuyển đối với vận tải hành khách tuyến cố định
- + Quy trình kiểm tra giám sát vận tải hành khách liên tỉnh và buýt kế cận
- + Quy trình đào tạo
- Bộ phận kiểm tra giám sát của Xí nghiệp:
 - + Đội kiểm tra giám sát
 - + Ban an toàn giao thông- sự cố

11.6. Hoạt động Marketing

Xí nghiệp thực hiện theo các chương trình, kế hoạch của thành phố Hà Nội triển khai chung trên toàn mạng lưới xe buýt nội đô. Hiện tại Xí nghiệp chưa có chương trình marketing riêng.

11.7. Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Không có

12. Tình hình tài sản, nguồn vốn của xí nghiệp tại 30/06/2014:

Bảng 9. Tình hình tài sản, nguồn vốn của Xí nghiệp tại ngày 30/06/2014

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Số đơn vị	Số xác định lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGÂN HẠN	14.260.545.281	14.260.545.281	-
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	-
130	III. Các khoản phải thu	12.238.231.468	12.238.231.468	-

	ngắn hạn			
131	1. Phải thu của khách hàng	25.444.800	25.444.800	-
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn	12.212.786.668	12.212.786.668	-
135	5. Các khoản phải thu khác	-	-	-
140	IV. Hàng tồn kho	1.659.514.918	1.659.514.918	-
141	1. Hàng tồn kho	1.659.514.918	1.659.514.918	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	362.798.895	362.798.895	-
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	362.798.895	362.798.895	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	55.466.287.208	93.667.409.616	38.201.122.408
220	II. Tài sản cố định	54.807.269.382	92.886.822.897	38.079.553.515
221	1. Tài sản cố định hữu hình	54.807.269.382	92.886.822.897	38.079.553.515
222	- Nguyên giá	178.988.941.667	187.424.593.780	8.435.652.113
223	- Giá trị hao mòn lũy kế	(124.181.672.285)	(94.537.770.883)	29.643.901.402
260	V. Tài sản dài hạn khác	659.017.826	780.586.719	121.568.893
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	659.017.826	780.586.719	121.568.893
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	69.726.832.489	107.927.954.897	38.201.122.408

Mã số	NGUỒN VỐN	Số đơn vị	Số xác định lại	Chênh lệch
		VND	VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	67.726.832.489	67.726.832.489	-
310	I. Nợ ngắn hạn	13.176.632.489	13.176.632.489	-
312	2. Phải trả người bán	4.793.923.284	4.793.923.284	-
314	4. Thuế và các khoản thuế phải nộp Nhà Nước	20.834.240	20.834.240	-
315	5. Phải trả người lao động	5.575.161.700	5.575.161.700	-
316	6. Chi phí phải trả	658.615.034	658.615.034	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.128.098.231	2.128.098.231	-
330	II. Nợ dài hạn	54.550.200.000	54.550.200.000	-

332	2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	52.844.250.000	52.844.250.000
333	3. Phải trả dài hạn khác	1.705.950.000	1.705.950.000	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	52.844.250.000	-	(52.844.250.000)
400	B. Vốn chủ sở hữu	2.000.000.000	40.201.122.408	38.201.122.408
410	I. Vốn chủ sở hữu	2.000.000.000	40.201.122.408	38.201.122.408
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.000.000.000	2.000.000.000	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	38.201.122.408	38.201.122.408
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	69.726.832.489	107.927.954.897	38.201.122.408

(Nguồn: Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 185/2014/BC.ĐG-AASC.KT2 của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội do Hãng Kiểm Toán AASC lập ngày 23/12/2014)

Theo Phụ lục Biểu 2.1: Tài sản và nguồn vốn của Quyết định số 886/QĐ-HĐTV ngày 03/06/2014 của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Vận tải Hà Nội về việc giao vốn, tài sản, lao động, cơ sở nhà đất và các hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan cho XN Xe điện Hà Nội tại thời điểm 31/05/2014 để chuẩn bị triển khai cổ phần hóa, phần XN Xe điện Hà Nội cổ phần hóa không được giao quỹ tiền mặt.

13. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2011 đến nay:

• Thuận lợi

- Xí nghiệp nhận được sự quan tâm giúp đỡ của các ban ngành Thành phố, Sở Giao thông vận tải, Trung tâm quản lý và điều hành giao thông đô thị cùng với sự chỉ đạo sát sao của Ban lãnh đạo Tổng công ty và sự đoàn kết nhất trí của tập thể CBCNV của Xí nghiệp.
- Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý phát huy hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho công tác quản trị và quản lý điều hành hoạt động vận tải của Xí nghiệp.
- Lực lượng lao động của Xí nghiệp ổn định, đội ngũ lái xe tay nghề cao, lái xe an toàn, cơ cấu lao động đang dần được trẻ hoá đội ngũ. Đời sống, việc làm ổn định, thu nhập của người lao động từng bước được cải thiện.

• Khó khăn

- Tình hình kinh tế của nước ta trong những năm gần đây tiếp tục diễn biến phức tạp, việc thắt chặt tài khoá và tiền tệ trong nước để kiềm chế lạm phát, nhu cầu tiêu dùng giảm so với năm trước do người dân thắt chặt chi tiêu có tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch của Xí nghiệp.
- Giá cả phương tiện, vật tư, dịch vụ đầu vào liên tục tăng trong khi đơn giá đặt hàng của Thành phố đã được xây dựng trước khá lâu gây khó khăn cho Xí nghiệp trong hoạt động.

- Sự phát triển chưa đảm bảo bền vững do sản phẩm dịch vụ kinh doanh chính là vận chuyển buýt bị phụ thuộc quá nhiều vào chính sách, quy hoạch cấp phép luồng tuyến và sự phát triển giao thông, phân bố dân cư của Thủ đô.
- Còn một số lao động mang tư duy cũ, không phù hợp, khó đáp ứng cách làm việc mới theo đúng kinh tế thị trường hướng vào khả năng cạnh tranh, chất lượng và khách hàng nên ý thức phục vụ, khả năng cập nhật công nghệ, thay đổi chuyên nghiệp chưa cao.
- Khả năng phát triển sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn do các tuyến buýt thuộc đơn vị quản lý đang dần đến điểm tới hạn của khả năng khai thác và sự chia sẻ lượng khách với các tuyến khác mới mở ra có chung điểm trung chuyển.
- Ngành nghề kinh doanh chính của đơn vị hạn hẹp, tập trung nhiệm vụ phục vụ giao thông công cộng, xã hội hoá nên khó phát huy được hết tiềm năng khai thác của đơn vị.
- Nhu cầu nâng cấp cải tiến phương tiện vận chuyển đáp ứng khả năng cạnh tranh, đáp ứng khách hàng, các tiêu chuẩn kỹ thuật mới khi chuyển sang hoạt động như công ty cổ phần là rất cao. Do vậy cần nguồn vốn đầu tư huy động lớn trong khi số lượng cổ phần phát hành, chủ trương và số lượng nhà đầu tư chiến lược chưa thể mở rộng ngay.

14. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

14.1. Vị thế của Công ty trong ngành:

Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội giao độc quyền khai thác dịch vụ vận tải hành khách công cộng trên các tuyến buýt số 07 (Cầu Giấy – Sân bay Nội Bài), 25 (Nam Thăng Long – Bến xe Giáp Bát), 27 (Bến xe Yên Nghĩa – Nam Thăng Long), 34 (Bến xe Mỹ Đình – Bến xe Gia Lâm), 35 (Trần Khánh Dư – Mê Linh), 55 (Bến xe Lương Yên – Cầu Giấy), 56A (Nam Thăng Long – Núi Đồi) và 56B (Nam Thăng Long – Xuân Giang). Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội đã đưa vào vận hành 129 xe buýt để đáp ứng hoạt động vận chuyển buýt theo đặt hàng của Thành phố nói trên. Các tuyến buýt mà Xí nghiệp khai thác đều là những tuyến buýt có lộ trình dài, phạm vi hoạt động trải từ vùng ngoại thành đến những khu vực trung tâm thành phố. Đây là những khu vực mà người dân có nhu cầu đi lại rất cao mà di chuyển bằng xe buýt là lựa chọn ưa thích và phù hợp với thu nhập của họ, do vậy rất thuận lợi để Xí nghiệp phát triển hoạt động kinh doanh của mình. Bên cạnh đó, mảng hoạt động kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí ở khu vực công viên Thủ Lệ và công viên Lê Nin cũng đem lại cho Xí nghiệp kết quả doanh thu khả quan.

14.2. Triển vọng phát triển ngành:

Theo số liệu của Sở Giao thông Hà Nội, địa bàn thành phố hiện có 90 tuyến xe buýt với 1.189 phương tiện, gồm 77 tuyến xe buýt nội thành (có trợ giá) và 12 tuyến xe buýt không trợ giá, và con số này liên tục được gia tăng qua các năm. Tuy nhiên với sự gia tăng dân số một cách nhanh chóng của Thủ đô (khoảng 7,2 triệu người năm 2014, chưa kể khoảng 1 triệu người không đăng ký hộ khẩu thường trú) thì lượng xe buýt này vẫn còn rất hạn chế. Tình trạng quá tải trên các xe buýt vào giờ cao điểm luôn diễn ra trên tất cả các tuyến. Mặc dù giá vé xe buýt cũng liên tục tăng, từ ngày 1/5/2014 giá vé với các tuyến nhỏ hơn 25km là 7000đ/vé so với mức 3000đ/vé

trước năm 2012 nhằm giảm trợ cấp của Nhà nước nhưng lượng hành khách đi xe buýt vẫn không có xu hướng giảm. Hơn nữa, Nhà nước luôn khuyến khích và vận động người dân sử dụng xe buýt để giảm ùn tắc, tai nạn giao thông và ô nhiễm môi trường. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển vẫn rất lớn đối với loại phương tiện vận tải công cộng tiện lợi này.

14.3. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới:

Với chiến lược phát triển sau cổ phần hóa nói chung và kế hoạch sản xuất kinh doanh nói riêng, nếu Công ty chủ động bám sát các chỉ tiêu kế hoạch từng năm đặt ra, điều hành quyết liệt linh hoạt, có trọng điểm, chủ động ứng phó trước những biến động, hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng tiêu cực và khai thác tốt cơ hội từ thị trường; phát huy tối đa năng lực hiện có thì kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa là khả thi. Phương án đầu tư và chiến lược của doanh nghiệp sau cổ phần hóa phù hợp với định hướng của ngành, chính sách Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

Do đặc thù hoạt động theo đơn đặt hàng của Thành phố Hà Nội với các tuyến buýt cố định, vì vậy mảng vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt của Xí nghiệp không có đối thủ cạnh tranh cũng như các hợp đồng kinh doanh lớn đột biến. Tuy nhiên hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt của Xí nghiệp chủ yếu được thành phố trợ giá, chi phí sản xuất kinh doanh khá cao, hầu như không có lợi nhuận.

V. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung về Công ty cổ phần

- Tên gọi đầy đủ của Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN XE ĐIỆN HÀ NỘI
- Tên tiếng Anh: HANOI TRAM JOIN STOCK COMPANY
- Tên giao dịch viết tắt: HANOI TRAM
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 454 Đường Phạm Văn Đồng – Phường Xuân Đình – Quận Bắc Từ Liêm – Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 043.7577.489
- Fax: 043.7577.444
- Email: xedienhanoi@transerco.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao và thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc các doanh nghiệp nhà nước tập trung hoạt động các ngành nghề kinh doanh chính, Công ty tiếp tục duy trì các ngành nghề kinh doanh hiện có và sẽ bổ sung thêm các ngành nghề kinh doanh tại thời điểm thích hợp.

Bảng 10. Danh mục ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hoá

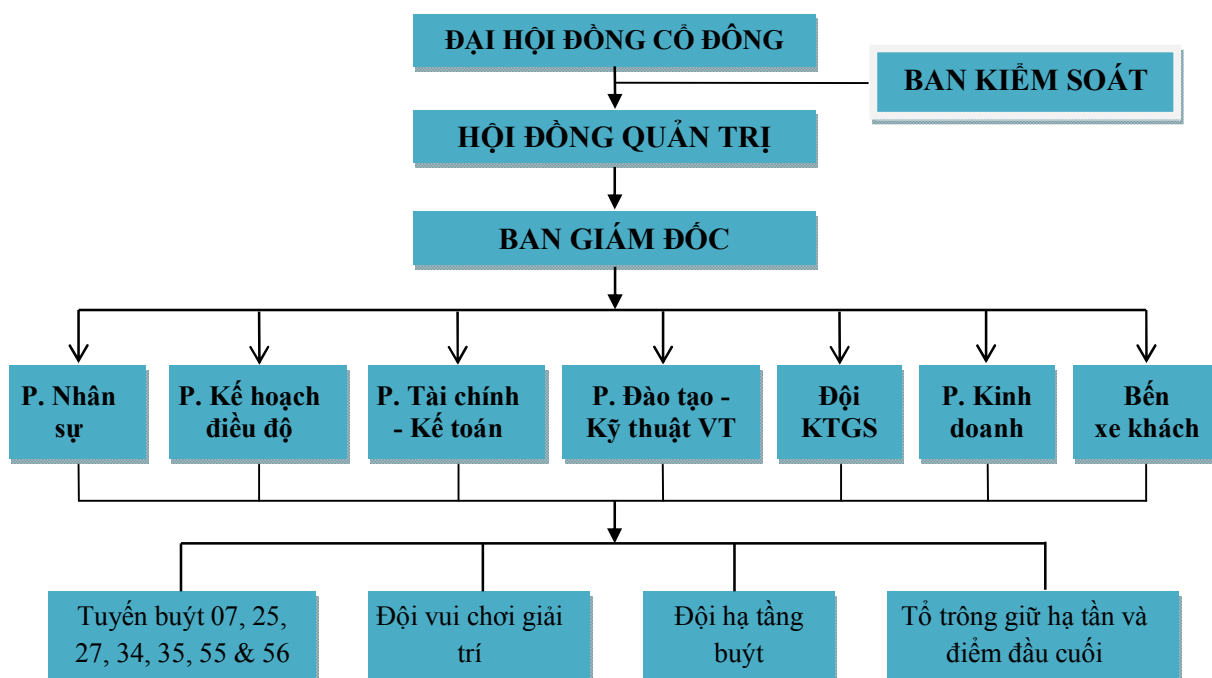
STT	Tên ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1	Vận tải bằng xe buýt	4920
2	Sản xuất đồ chơi, trò chơi (trừ các loại đồ chơi có hại cho giáo dục phát triển nhân cách, sức khỏe trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội)	3240
3	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe động cơ khác)	3315
4	Sửa chữa thiết bị khác	3319
5	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
6	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
8	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
9	Quảng cáo (không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
10	Xây dựng công trình đường sắt đường bộ	4210
11	Vận tải hành khách đường bộ nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
14	Xây dựng công trình công ích	4220
15	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
16	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
17	Cho thuê xe có động cơ	7710
18	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
20	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
20	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
21	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm tra kỹ thuật an toàn và bảo vệ môi trường các phương tiện giao thông cơ giới đường bộ	7120
22	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...) (không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường)	5621
23	Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán Bar, karaoke, vũ trường)	5629
24	Bốc xếp hàng hóa	5224

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần

- Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty sau khi chuyển sang hình thức công ty cổ phần gồm:
 - + Hội đồng quản trị
 - + Ban kiểm soát
 - + Ban Giám đốc
 - + Các Phòng ban chức năng
- Ban quản lý điều hành Công ty gồm:
 - + Hội đồng quản trị : 5 người
 - + Giám đốc Công ty : 1 người
 - + Phó Giám đốc Công ty : 1 người
 - + Kế toán trưởng Công ty : 1 người
 - + Ban kiểm soát : 3 người
- Các phòng, ban chức năng của Công ty gồm:
 - + Phòng Tổ chức – Nhân sự : 16 người
 - + Phòng Tài chính kế toán : 4 người
 - + Phòng Kế hoạch điều độ : 34 người
 - + Phòng Đào tạo và Kỹ thuật vật tư : 24 người
 - + Đội Kiểm tra giám sát : 10 người
 - + Phòng kinh doanh : 6 người
 - + Gara : 12 người
 - + Tổ Bảo vệ : 26 người
 - + Lái xe bán vé : 543 người
 - + Bến Xe Khách Nam Thăng Long : 7 người
 - + Đội DV vui chơi giải trí và lái xe DV : 17 người
 - + Đội quản lý cơ sở hạ tầng : 10 người
 - + Tổ bảo vệ trông giữ điểm đầu cuối : 24 người
 - + Lao động khác (Thợ BDSC, Rửa xe) : 36 người

Sơ đồ 2. Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty cổ phần



(Nguồn: Phương án CPH Xi nghiệp Xe Điện Hà Nội)

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị gồm 05 (năm) người, trong đó 01 (một) Chủ tịch và 04 (bốn) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 20 của Điều lệ này;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc Điều lệ công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 49 của Điều lệ này;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, phó Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Ban Kiểm soát:

Ban kiểm soát có 3 (ba) thành viên. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm. Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội Đồng cổ đông bầu trực tiếp bằng bỏ phiếu kín.

Các thành viên Ban Kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và tiếp nhận nhiệm vụ.

Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 11 Điều lệ này.
- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 11 Điều lệ này, Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 48 của điều lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc:

Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và phải thường trú ở Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên 30 (ba mươi) ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ Công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc có thể là thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Giám đốc là 05 (năm) năm; Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- Tổ chức thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phù hợp với Điều lệ và tuân thủ pháp luật.
- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần

Vốn điều lệ dự kiến sau khi chuyển thành công ty cổ phần: 55 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Bảng 11. Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chi tiết cơ cấu vốn Điều lệ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ	Giá trị
1	Cổ phần nhà nước nắm giữ	2.805.000	51,00%	28.050
2	Cổ phần bán cho người lao động	1.579.400	28,72%	15.794
2.1	- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo năm làm việc khu vực doanh nghiệp Nhà nước	588.800	10,71%	5.888
2.2	- Cổ phần bán cho người lao động theo cam kết làm việc lâu dài	990.600	18,01%	9.906
3	Cổ phần bán đấu giá ra bên ngoài	1.115.600	20,28%	11.156
	Tổng cộng	5.500.000	100%	55.000

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

4. Định hướng chiến lược

Mục tiêu

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Thành phố Hà Nội trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt và 1 công ty đại chúng mạnh cả về 4 chỉ tiêu định lượng: mức độ hài lòng chất lượng phục vụ của khách hàng, sản lượng hành khách vận chuyển, đóng góp ngân sách,

mức độ sinh lợi cho cổ đông và 2 chỉ tiêu không định lượng: hoàn thành nhiệm vụ chính trị Thành phố giao, đóng góp cho xã hội.

Nhiệm vụ cụ thể

- Tối ưu hóa chất lượng dịch vụ tại các tuyến xe buýt được giao quản lý và phát triển thêm (nếu có).
- Nâng cao hiệu quả kinh doanh của các dịch vụ vui chơi giải trí, trông giữ bến bãi, bến xe khách liên tỉnh và các liên doanh liên kết hiện có kết hợp mở rộng phát triển mới.
- Xây dựng năng lực quản trị doanh nghiệp mạnh bằng đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ; nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và ý thức phục vụ của đội ngũ CBCNV; đào tạo, lựa chọn, tuyển dụng được nhân sự giỏi đặc biệt cho các vị trí lãnh đạo, quản lý, kinh doanh.
- Phát triển đa dạng hóa thêm các sản phẩm kinh doanh tận dụng lợi thế của các loại hình vận tải hành khách công cộng và bến đỗ cũng như điều kiện công ty như: dịch vụ quảng cáo, dịch vụ hợp tác du lịch – buýt, dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng phương tiện, dịch vụ vui chơi giải trí...
- Đảm bảo lộ trình trở thành công ty đại chúng đầy đủ sau cổ phần hoá và chuẩn bị đủ năng lực đáp ứng các hoạt động trên thị trường chứng khoán.
- Chuẩn bị đủ năng lực đảm nhận các loại hình vận tải khác trong vận tải hành khách công cộng.

Định hướng phát triển các sản phẩm

- Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt theo đặt hàng của Thành phố: bao gồm các tuyến buýt 07, 25, 27, 34, 35, 55, 56 và các loại hình vận tải hành khách công cộng khác nếu được giao như: các tuyến metro; các tuyến tà điện ngắn tốc độ cao (bao gồm cả đầu tư xây mới); các tuyến ô tô điện nội bộ trong phố cổ, khu đô thị mới.
- Dịch vụ duy tu, duy trì và lắp đặt biển báo, nhà chờ cho mạng lưới hoạt động vận tải hành khách công cộng của thành phố Hà Nội.
- Dịch vụ các trò chơi vui chơi, giải trí tại các công viên Thủ Lệ và công viên Thống Nhất và các điểm phát triển mới khác.
- Dịch vụ trông giữ bến bãi và các điểm đầu cuối cho xe buýt.
- Dịch vụ bến xe khách liên tỉnh tuyến Hà Nội – Thái Nguyên.
- Dịch vụ thương mại: quảng cáo trên xe buýt, quảng cáo trên bến, nhà chờ, du lịch theo tuyến buýt, xe chạy điện, cho thuê đặt trạm duy tu bảo dưỡng sửa chữa, đăng kiểm phương tiện...
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh: Hợp tác Công ty Cổ phần xăng dầu chất đốt Hà Nội, Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ và xây lắp dầu khí, Trạm đăng kiểm T2901.S, Công ty cổ phần ô tô Nhật Quang.

5. Thuận lợi và Khó khăn sau khi cổ phần hóa

• Thuận lợi

- Đã xác lập được thương hiệu vận tải buýt có chỗ đứng vững chắc và có truyền thống lâu năm tại Thủ đô với người dân.
- Các tuyến buýt được giao quản lý khai thác có lộ trình qua những khu vực đang tiếp tục phát triển mạnh lâu dài theo quy hoạch Thủ đô nên lượng khách hàng lớn.
- Hệ thống phương tiện và cơ sở hạ tầng phục vụ kinh doanh kế thừa lại số lượng lớn, còn đủ thời gian khai thác sử dụng.
- Hệ thống doanh nghiệp liên kết thuộc Tổng công ty vận tải Hà Nội tạo ra một mạng lưới khá hoàn chỉnh dịch vụ để hỗ trợ.
- Chuyển thành công ty cổ phần sẽ chủ động hơn rất nhiều về cơ chế tài chính và chính sách cho người lao động để tạo ra đội ngũ năng suất và hiệu quả hơn trước nhiều.
- Có thể chủ động thực hiện các dự án đầu tư chiến lược giúp phát triển nhanh hoạt động kinh doanh mà không bị ràng buộc cơ chế.
- Do làm tốt các vấn đề quản lý tài sản, hạch toán tài chính và quản lý hợp đồng nên chuyển sang CPH nhanh gọn và không bị vướng mắc có thể bắt đầu sang hoạt động SXKD của công ty mới ngay.
- Thành phố luôn quan tâm về chính sách hỗ trợ phát triển giao thông công cộng.

• Khó khăn

- Hệ thống phương tiện vận chuyển chưa đáp ứng được về mặt tiện nghi và chất lượng theo tiêu chuẩn kỹ thuật mới và nhu cầu khách hàng, đòi hỏi cạnh tranh (hiện đại, tiện nghi, thoải mái, nhiều công nghệ tích hợp...) sẽ đòi hỏi chi phí lớn để nâng cấp đổi mới.
- Giá cả vật tư, đầu vào liên tục biến động gây khó khăn cho Công ty trong việc đảm bảo nguồn vốn hoạt động kinh doanh.
- Dư địa thị phần vận chuyển buýt đã dần đến mức tới hạn và lại đang dần thêm nhiều đối thủ cạnh tranh. Về lâu dài bắt buộc doanh nghiệp phải hướng tới khai thác các loại hình vận tải hành khách công cộng mới, tuy nhiên điều này bị phụ thuộc nhiều vào chính sách phát triển và quy hoạch của thành phố.
- Còn một số lượng CBNV chưa thể đáp ứng được cách làm việc và yêu cầu chuyên môn thích ứng theo cơ chế mới.
- Những ràng buộc về loại hình kinh doanh của công ty vận tải hành khách công cộng không cho phép DN thực sự phát triển nhiều loại hình sản phẩm dịch vụ kinh doanh theo thời cơ linh hoạt theo thực tế.

6. Giải pháp thực hiện

6.1. Nhóm giải pháp ứng dụng khoa học công nghệ:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ trong các hoạt động buýt và dịch vụ trông giữ, quản lý bến đỗ như: nghiên cứu xây dựng, ứng dụng các phần mềm quản lý kỹ thuật phương tiện, quản lý nhân sự, quản lý phương tiện ra vào bến đỗ, phần mềm kế toán, hệ thống kiểm soát hành trình.
- Nghiên cứu, tiếp nhận chuyển giao các công nghệ sửa chữa bảo dưỡng xe mới nhất từ các đối tác có năng lực.

6.2. Nhóm giải pháp tăng cường khai thác, phát triển các sản phẩm dịch vụ GTGT:

- Quy hoạch bố trí mặt bằng điểm đỗ, trụ sở để cho thuê quảng cáo, cho thuê địa điểm kinh doanh, đại lý sửa chữa bảo dưỡng, đăng kiểm phương tiện...
- Tìm kiếm đối tác hợp tác phát triển các dịch vụ kết hợp vận chuyển buýt và du lịch nội đô.
- Phát triển lại hình khai thác điểm đỗ, trông giữ phương tiện.
- Nghiên cứu, thiết kế lại dịch vụ quảng cáo trên xe để khai thác được quảng cáo trong xe và xây dựng phương án bố trí quảng cáo bên ngoài xe động thay cho tĩnh để tăng diện tích quảng cáo và số lượng nội dung, khách hàng quảng cáo, giảm giá quảng cáo.

6.3. Nhóm giải pháp đầu tư mở rộng:

- Nghiên cứu triển khai các dự án đầu tư bao gồm cả các dự án đầu tư XD CB có sử dụng đất mục đích phát triển hạ tầng giao thông vận tải công cộng phù hợp ngành nghề kinh doanh của công ty.
- Tìm kiếm các đối tác thích hợp cả trong và ngoài nước hoạt động về GTVT để đầu tư theo hình thức mua cổ phần, góp vốn, liên doanh liên kết đặc biệt là nhóm những công ty XD hạ tầng giao thông, công ty sản xuất thiết bị phương tiện giao thông, công ty công nghệ kỹ thuật vận tải...

6.4. Nhóm giải pháp nâng cao năng lực quản trị DN và chất lượng phục vụ

- Nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên bằng tăng cường đào tạo nội bộ và khóa học bên ngoài, các hội thi tay nghề, nghiệp vụ...
- Tăng cường quản lý, kiểm tra và xử lý các vi phạm về bảo dưỡng, sửa chữa, công tác chuẩn bị, đảm bảo tiện nghi, an toàn, chất lượng phương tiện trước vận hành.
- Nâng cao ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ của CBCNV bằng:
 - + Tăng cường kiểm tra thực hiện quy chế, xử lý nghiêm vi phạm và có thái độ không đúng mực trong công tác.
 - + Xây dựng chính sách thu nhập theo hiệu quả công việc.
 - + Xây dựng chính sách tuyển dụng, thu hút nhân lực có chất lượng cao, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành.

- + Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động đặc biệt là tiền lương khen thưởng (kịp thời khen thưởng xứng đáng các đề xuất có tính sáng tạo), xây dựng quan hệ lao động hài hoà, ổn định, tiến bộ, chăm lo đời sống tinh thần cho bản thân và gia đình người lao động.
- + Bố trí lại một số vị trí công việc phù hợp khả năng.
- + Tuyên truyền và giáo dục ý thức phục vụ.
 - Cải tạo nâng cao điều kiện cơ sở vật chất, phương tiện để nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.
 - Tổ chức các kênh thông tin để tạo điều kiện cho khách hàng nhận được đầy đủ thông tin dịch vụ và giải quyết những khiếu nại, yêu cầu...
 - Thu hút nhân dân tham gia vận tải hành khách công cộng bằng biện pháp marketing thích hợp và chất lượng phục vụ.

6.5. Nhóm giải pháp tài chính:

- Xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.
- Thực hiện công tác tài chính công khai, minh bạch, rõ ràng, gắn kết nội bộ và đoàn kết thống nhất cùng chung trách nhiệm và quyền lợi trong toàn công ty.
- Xây dựng cụ thể nhu cầu vốn phù hợp với quy mô sản xuất kinh doanh theo hướng tăng dần tỷ lệ vốn chủ sở hữu, giữ mức cân đối giữa vốn chủ sở hữu và vốn vay, vốn dài hạn và vốn ngắn hạn tương ứng với tài sản dài hạn và tài sản ngắn hạn, đảm bảo nguồn vốn dài hạn đủ để tài trợ cho việc đầu tư vào tài sản dài hạn và một phần cho nhu cầu vốn lưu động sử dụng thường xuyên, giảm bớt rủi ro về tài chính.
- Sử dụng linh hoạt các loại nguồn vốn, nếu đầu tư vào tài sản cần phải xem xét kỹ nhu cầu sử dụng tài sản, mức độ đầu tư tài sản cho phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh.
- Áp dụng các hình thức huy động vốn linh hoạt thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi để tạo nguồn vốn ổn định cho sản xuất kinh doanh và giảm dần tỷ lệ vốn vay.
- Theo dõi chặt chẽ các khoản phải thu, có biện pháp cụ thể công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ để giảm nợ tồn đọng, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.
- Bổ sung và hoàn thiện các quy chế quản lý cho phù hợp với công ty cổ phần như quy chế quản lý tài chính, quản lý các hợp đồng kinh tế ...
- Đẩy mạnh hợp tác liên doanh, liên kết với các đối tác có tiềm lực về tài chính, thực hiện đa dạng hóa hình thức đầu tư và hình thức sở hữu trong đầu tư xây dựng để thu xếp vốn đầu tư cho các dự án.

6.6. Nhóm giải pháp về kinh doanh thị trường:

- Phát triển mạnh hình thức bán dịch vụ trực tuyến qua mạng và tận đơn vị, tận nhà (vé, dịch vụ đặt chỗ đỗ, dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa phương tiện...).

- Thực hiện các biện pháp marketing thương hiệu (SEO, quảng cáo báo, VOV, xây dựng website mới, tiện ích di động...).
- Phát triển đội ngũ nhân viên sales và mở rộng hoạt động liên kết dịch vụ tại trường học, bệnh viện và các tòa nhà tại các khu vực trên hành trình các tuyến buýt.

6.7. Nhóm giải pháp về tổ chức cán bộ

- Lao động tại các tổ đội sẽ sử dụng lao động chuyên môn đang công tác tại văn phòng Công ty và kết hợp điều động, luân chuyển giữa các tổ đội. Kết hợp đào tạo phát triển lao động tại tổ đội để đưa lên văn phòng công ty để tinh giản đội ngũ.
- Đánh giá nguồn nhân lực và sắp xếp bố trí lại nhân lực theo yêu cầu mới đảm bảo mọi người đều có việc làm ổn định.
- Tổ chức đào tạo nghiệp vụ chuyên môn bồi dưỡng nâng cao trình độ nhân lực, trình độ quản lý, trình độ kỹ thuật cho cán bộ công nhân.
- Có chính sách thu hút để tuyển mới lao động có năng lực và trình độ, có kinh nghiệm và chuyên môn giỏi vào Công ty.
- Tăng cường kỷ luật lao động, xây dựng tác phong công nghiệp, xây dựng cơ chế quản lý lao động linh hoạt, hiệu quả.
- Cùng với việc tăng tiền lương theo kế hoạch, quỹ phúc lợi sẽ được sử dụng cho những hoạt động nâng cao thể chất, giải trí, nghỉ ngơi.
- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, các phong trào sinh hoạt tập thể, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, thực hiện công khai dân chủ.
- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện các văn bản pháp quy nội bộ phục vụ các công tác quản lý điều hành.
- Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể trong Ban giám đốc. Cơ cấu lại lực lượng cán bộ giữa các phòng ban.
- Tuyển chọn đề bạt cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống lành mạnh, có tâm huyết với doanh nghiệp.
- Nghiên cứu vận dụng các chính sách do nhà nước ban hành đối với người lao động dôi dư do sắp xếp của doanh nghiệp.

6.8. Nhóm giải pháp kiện toàn các tổ chức đoàn thể trong Công ty:

- Kiện toàn tổ chức và đảm bảo vai trò hoạt động các tổ chức đoàn thể phù hợp mô hình hoạt động của Công ty cổ phần.
- Xây dựng quy chế làm việc giữa chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty với ban chấp hành Đảng ủy, BCH Công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác.

7. Phương án sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa

Dự kiến chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty trong 03 năm tới như sau:

Bảng 12. Các chỉ tiêu chủ yếu giai đoạn 2015 – 2017

STT	Nội dung	Đơn vị	KH 2015	KH 2016	KH 2017
1	Vốn điều lệ	Triệu đồng	55.000	55.000	55.000
2	Sản lượng vận tải				
	<i>Sản lượng khách buýt</i>	1.000 HK	69.272	69.964	70.644
3	Doanh thu	Triệu đồng	243.149	249.865	254.479
3.1	<i>Doanh thu từ buýt</i>	Triệu đồng	215.569	219.880	223.220
3.2	<i>Doanh thu từ dịch vụ khác</i>	Triệu đồng	27.580	29.985	31.259
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	240.068	246.404	250.687
5	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	3.081	3.461	3.792
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	2.403	2.699	2.958
7	Nộp ngân sách	Triệu đồng	678	761	834
8	Tỷ lệ cổ tức	%	4,15	4,66	5,11
9	Tổng số lao động	Người	759	752	742
10	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	49.501	49.686	49.657
11	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	1000 đồng	5.435	5.506	5.577

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

Công ty hiện chưa có kế hoạch đầu tư – xây dựng cơ bản trong giai đoạn tới.

Kiến nghị sau cổ phần hóa:

Để Xí nghiệp Xe điện Hà Nội sau cổ phần hóa hoạt động ổn định, có hiệu quả, bảo toàn, phát triển vốn nhà nước và đặc biệt là đảm bảo việc làm, thu nhập, đời sống cho cán bộ công nhân viên của công ty, Tổng công ty Vận tải Hà Nội đã đề xuất UBND Thành Phố Hà Nội và Sở Ban ngành liên quan xem xét, chấp thuận các kiến nghị sau (tại báo cáo số 2488/TCTT-KHĐT ngày 19/12/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và Phương án cổ phần hóa XN Xe Điện Hà Nội):

- Cho phép được giữ nguyên cơ chế đặt hàng và duy trì ổn định như hiện nay đối với 7 tuyến buýt của Xí nghiệp khi chuyển sang Công ty cổ phần (07, 25, 27, 34, 35, 55 và 56) trong thời hạn tối thiểu 5 năm.
- Cho phép Công ty cổ phần được hưởng các ưu đãi đối với doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang Công ty cổ phần; được miễn tiền thuê đất đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, Quyết định số 62/2009/QĐ-TTg ngày 20/4/2009 và Quyết định số 55/2012/QĐ-TTg ngày 19/12/2012 của Thủ tướng Chính Phủ về miễn tiền thuê đất đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng.

Hiện Ủy ban Nhân dân TP. Hà Nội và các đơn vị chức năng đang xem xét kiến nghị nêu trên.

VI. RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Rủi ro về tốc độ tăng trưởng và lạm phát

Việt Nam là nước có nền kinh tế đang trong giai đoạn phát triển. Tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 2002 – 2007 luôn ở mức cao. Tuy nhiên, từ năm 2008 đến nay, cuộc khủng hoảng kinh tế nói chung và tình hình lạm phát nói riêng ở Việt Nam luôn có nhiều biến động. Trước bối cảnh kinh tế thế giới suy thoái, Việt Nam đã có chủ trương tập trung cho mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, đảm bảo tăng trưởng hợp lý. Nhờ chủ trương đúng đắn này và sự chỉ đạo kiên quyết của các cấp lãnh đạo, năm 2012 chỉ số lạm phát là 6,81%, năm 2013 là 6,2%. Bước sang năm 2014, các điều kiện về tài chính đã và đang được cải thiện nhờ các chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, lãi suất giảm, tiến trình xử lý nợ xấu đã được đẩy nhanh... Nhờ đó nền kinh tế đã có những tín hiệu tích cực. Theo công bố của Tổng cục Thống kê ngày 27/12/2014 cho thấy tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2014 tăng trưởng 5,98% so với năm 2013, cao hơn mức tăng trưởng 5,25% của năm 2012 và mức tăng 5,42% của năm 2013.

Nhìn chung, khi nền kinh tế chưa hoàn toàn hồi phục, tăng trưởng còn chậm, thì vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của tất cả các doanh nghiệp.

Rủi ro về lãi suất, nguồn vốn

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất thị trường biến động không ngừng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay luôn ở mức cao ngưỡng 20%. Những khoản vay này là những gánh nặng đối với doanh nghiệp khi phải chịu lãi lớn. Tuy nhiên, nhờ những tác động đúng đắn của Ngân hàng nhà nước, lãi suất trong năm 2013 đã giảm mạnh, ở mức 9 – 11%/năm. Năm 2014 tiếp tục giảm còn khoảng 8 – 10%/năm, và có nhiều hỗ trợ với lãi suất thấp hơn cho những doanh nghiệp có tình hình tài chính tốt và phương án kinh doanh hiệu quả.

Với những điểm tích cực từ nền kinh tế và các chính sách từ Ngân hàng nhà nước, sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, chính sách thay đổi linh hoạt để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của nền kinh tế. Vì vậy các văn bản pháp quy không tránh khỏi những bất cập và chồng chéo nhau, gây nên không ít khó khăn cho các cơ quan hữu quan lẫn các cá nhân, doanh nghiệp tổ chức thực hiện.

Là doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội đều chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật thuế... và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn dưới luật. Ngoài ra Xí nghiệp cũng chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và văn bản liên quan.

3. Rủi ro đặc thù

Với đặc thù là chuyên cung cấp các dịch vụ liên quan tới lĩnh vực giao thông vận tải, nổi bật vận tải hành khách, nơi mà chi phí thường chiếm phần rất lớn doanh thu, hoạt động kinh doanh của Công ty đã, đang sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ những biến động thị trường nhiên liệu.

Kể từ năm 2008 tới năm 2014, giá xăng dầu thế giới liên tục biến động chủ yếu theo xu hướng tăng giá, có những thời điểm giá dầu thô được giao bán ở mức giá kỷ lục 150\$/thùng. Trong khi đó, do nguồn cung trong nước còn phụ thuộc khá nhiều vào nhập khẩu nên giá xăng dầu tại Việt Nam chịu ảnh hưởng khá lớn từ giá xăng dầu thế giới. Kể từ tháng 9/2008, Việt Nam chuyển vận hành giá xăng dầu sang cơ chế thị trường, giá xăng dầu trong nước cũng liên tục được điều chỉnh tăng đã gây khó khăn cho các Doanh nghiệp trong lĩnh vực vận tải. Trong năm 2014 giá xăng dầu trong nước đã qua 24 lần điều chỉnh giá, với mức giá đạt đỉnh được thiết lập ở mức 25.640 đồng/lít tại ngày 7/7/2014. Tuy nhiên, trong những quý cuối năm 2014 và đầu năm 2015, với xu hướng giảm của thế giới, giá xăng dầu trong nước đã được điều chỉnh giảm nhiều lần. Giá xăng Ron 92 ngày 21/01/2015 chỉ còn 15.670 đồng/lít) giảm 9.970 đồng so với mức giá đỉnh. Giá xăng nhiều lần được điều chỉnh giảm trong thời gian qua là điều kiện thuận lợi để Công ty kinh doanh gặp nhiều thuận lợi, giúp chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty giảm đáng kể. Tuy nhiên với việc giá xăng dầu liên tục biến động trong khi giá vé được giữ ổn định sẽ gây khó khăn trong việc thực hiện mục tiêu kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Việc bán đấu giá cổ phần lần đầu của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội chịu ảnh hưởng lớn bởi tình hình thị trường kinh tế, chứng khoán và tâm lý các nhà đầu tư. Những dấu hiệu bất lợi của các yếu tố này có ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư và khả năng hấp thụ của thị trường.

5. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, các rủi ro như thiên tai, dịch họa,... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu.

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU

1. Cơ cấu chào bán và phương thức thanh toán

1.1. Phương thức bán

Bảng 13. Phương thức bán cổ phần

STT	Số lượng cổ phần	% vốn điều lệ	Phương thức bán	Giá bán
1	1.115.600	20,28%	Bán đấu giá công khai tại Sở GD&ĐT Hà Nội. Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phiếu.	Theo giá đấu thực tế thành công

2	1.579.400	28,72%	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo năm công tác: 588.800 cổ phần	Giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất
			Cổ phần được mua ưu đãi thêm theo mức 200 cổ phần/năm do có cam kết làm việc lâu dài tại công ty: 990.600 cổ phần.	Giá bán bằng giá đấu thành công thấp nhất
	2.695.000	49%		

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

1.2. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán

- Đối với cổ phần bán đấu giá công khai:**

Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định chi tiết tại “Quy chế đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) ban hành.

- Đối với cổ phần bán cho cán bộ công nhân viên:**

Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần được quy định trong phương án cổ phần hóa và các văn bản pháp luật liên quan và ngay sau khi thực hiện việc đấu giá công khai cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài.

1.3. Đối tượng tham gia và số lượng cổ phần đăng ký mua qua đấu giá

- Đối tượng tham gia: Các nhà đầu tư trong và ngoài nước, theo quy định tại Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP
- Số lượng cổ phần đăng ký mua tối thiểu: 100 cổ phần
- Số lượng cổ phần đăng ký mua tối đa: 1.115.600 cổ phần
- Số lượng đặt mua: Theo bội số 100
- Đặt cọc: Bằng 10% giá trị tổng số cổ phần đăng ký mua tính theo giá khởi điểm
- Bước giá: 100 đồng
- Bước khối lượng: 100 cổ phần

2. Thời gian và địa điểm thực hiện

- Thời gian và địa điểm nhận công bố thông tin, đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt cọc, phát phiếu tham dự đấu giá: Quy định tại Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội do HNX ban hành.

- Thời gian các Đại lý nhận phiếu tham dự đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội do HNX ban hành.
- Thời gian tổ chức đấu giá: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội do HNX ban hành.
- Địa điểm tổ chức đấu giá: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội – Số 2 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.
- Thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần và nhận lại tiền đặt cọc: Theo quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội do HNX ban hành.

3. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt bán đấu giá

4.1. Chi phí cổ phần hoá:

Căn cứ Điều 12 Thông tư 196/2011/TT-BTC, Xí nghiệp có giá trị doanh nghiệp trên sổ sách từ 50 đến dưới 100 tỉ đồng, chi phí cổ phần hóa tối đa không quá 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng chẵn). Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa. Dự toán như sau:

Bảng 14. Chi phí cổ phần hoá doanh nghiệp

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục	Số tiền
I.	Chi phí trực tiếp	148.000.000
1	Chi hoạt động tuyên truyền công bố thông tin về doanh nghiệp	8.000.000
2	Lệ phí thanh toán cho tổ chức bán đấu giá (dự kiến 0,3% cổ phần bán)	80.000.000
3	Chi phí lập phương án cổ phần hoá, xây dựng điều lệ,...	40.000.000
4	Tập huấn, tổ chức hội nghị công nhân viên chức, đại hội cổ đông thành lập,...	15.000.000
II.	Chi phí thuê đơn vị tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	132.000.000
III.	Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hoá và tổ giúp việc	120.000.000
	Tổng chi phí	400.000.000

(Nguồn: Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

4.2. Kinh phí dự kiến thực hiện chính sách lao động nghỉ hưu trước tuổi:

Bảng 15. Chi phí thực hiện chính sách lao động nghỉ hưu trước tuổi (5 người)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Hạng mục chi phí	Chi phí
1	Chi phí thực hiện chính sách lao động nghỉ hưu trước tuổi	327.072.800
A	Từ nguồn của doanh nghiệp	
B	Từ quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	327.072.800
	Tổng mức chi phí	327.072.800

(Nguồn: Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

4.3. Sử dụng tiền thu được từ đợt đấu giá cổ phần hóa

Việc quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa được thực hiện theo quy định của Thông tư 196/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ tài chính.

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của nhà nước tại Công ty cổ phần, Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội – Chi nhánh Tổng công ty vận tải Hà Nội dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách nhà nước, tạm tính theo phương án tất cả số lượng cổ phần được bán hết với giá khởi điểm 10.000 đồng và đấu giá thành công thấp nhất là 10.000 đồng/ cổ phần, chi tiết cụ thể như sau:

Bảng 16. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt đấu giá

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số cổ phần	%VĐL	Số tiền
Vốn NN tại thời điểm công bố Giá trị DN			40.201.122.408
Vốn Nhà nước góp vào Công ty cổ phần	2.805.000	51.00%	28.050.000.000
Cổ phần bán ra theo giá thực tế	2.695.000	49.00%	24.594.800.000
Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động	588.800	10.71%	3.532.800.000
Cổ phần bán cho người lao động mua ưu đãi thêm do cam kết làm việc lâu dài sau CPH	990.600	18.01%	9.906.000.000
Cổ phần bán đấu giá	1.115.600	20.28%	11.156.000.000
Vốn điều lệ	5.500.000	100.00%	55.000.000.000
Tiền để lại doanh nghiệp theo mệnh giá cổ phần phát hành thêm			14.798.877.592
Chi phí cổ phần hóa (theo dự toán)			400.000.000
Kinh phí thực hiện chính sách lao động nghỉ hưu trước tuổi (dự kiến)			327.072.800
Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN			9.068.849.608

(Nguồn: Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội)

Số tiền thu được từ cổ phần hóa để lại Công ty sẽ được sử dụng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

VIII. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Đại diện Ban chỉ đạo cổ phần hóa

Ông: Phạm Công Bình

Chức vụ: Trưởng ban chỉ đạo cổ phần hóa

(Theo Quyết định số 3452/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ngày 27 tháng 06 năm 2014)

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.

2. Đại diện Tổng công ty Vận tải Hà Nội

Ông: Nguyễn Phi Thường

Chức vụ: Tổng Giám đốc – Phó Trưởng Ban chỉ đạo CPH

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là trung thực và phù hợp với thực tế doanh nghiệp tại Phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt.

3. Đại diện Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội – Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Hà Nội

Ông: Nguyễn Hữu Hồng

Chức vụ: Giám đốc

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về cổ phần hóa để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội.

4. Đại diện Tổ chức tư vấn bán đấu giá – Công ty cổ phần Chứng khoán FPT

Bà: Nguyễn Thị Hạnh

Chức vụ: Giám đốc tư vấn tài chính doanh nghiệp

Theo ủy quyền số 128.2-2014/QĐ/FPTS-FHR ngày 18 tháng 12 năm 2014 của Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán FPT

Việc đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được Công ty cổ phần Chứng khoán FPT thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên các thông tin và số liệu do Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội cung cấp. Chúng tôi bảo đảm rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán.

IX. LỘ TRÌNH NIÊM YẾT, ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH SAU CỔ PHẦN HÓA

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 14. Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ quy định một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước, Công ty có nghĩa vụ:

“a) Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

b) Trường hợp doanh nghiệp cổ phần hóa đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một (01) năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần hóa phải bổ sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán”

Trong trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật chứng khoán về công ty đại chúng sau khi thực hiện xong quá trình cổ phần hóa, Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định nêu trên.

X. KẾT LUẬN

Bản công bố thông tin được cung cấp nhằm mục đích giúp nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty trước khi đăng ký mua cổ phần.

Bản công bố thông tin được lập trên cơ sở các thông tin và số liệu do Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội cung cấp theo quy định đảm bảo tính công khai, minh bạch và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư.

Chúng tôi kính mong các nhà đầu tư tham khảo Bản công bố thông tin này trước khi ra quyết định tham gia đấu giá mua cổ phần Xí nghiệp Xe Điện Hà Nội.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hà Nội, ngày 23 tháng 1 năm 2015

BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA XÍ NGHIỆP XE ĐIỆN HÀ NỘI
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO



HỒ GIÁM ĐỐC
Trần Công Bình

TỔNG CÔNG TY VẬN TẢI HÀ NỘI



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Phi Chương

XÍ NGHIỆP XE ĐIỆN HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Hồng

KẾ TOÁN TRƯỞNG

[Signature]

TỔ CHỨC TƯ VẤN ĐẤU GIÁ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN FPT



GIÁM ĐỐC TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP
Nguyễn Thị Hạnh